

# ẢNH HƯỞNG CỦA BẤT BÌNH ĐẲNG TRONG PHÂN PHỐI THU NHẬP ĐẾN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Thanh Hằng\*

Ngày nhận: 11/12/2014

Ngày nhận bản sửa: 21/01/2015

Ngày duyệt đăng: 5/5/2015

## Tóm tắt:

*Bài báo tập trung phân tích ảnh hưởng của bất bình đẳng thu nhập đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam (có tính đến một số nhân tố khác được cho là có tác động đến tăng trưởng kinh tế) dựa trên mô hình phân tích trong nghiên cứu trước đây của Li và Zou (1998). Các mô hình được sử dụng gồm có OLS gộp, tác động cố định và tác động ngẫu nhiên, sử dụng bộ số liệu VHLSS từ 2002 đến 2012. Việc sử dụng các mô hình này nhằm so sánh, đối chiếu tác động của một số nhân tố trong diện phân tích đến tăng trưởng kinh tế, để đánh giá mức độ ảnh hưởng và chiều tác động. Kết quả phân tích cho thấy bất bình đẳng trong thu nhập và tăng trưởng kinh tế ở nước ta giai đoạn 2002-2012 có mối liên hệ thuận chiều với mức tin cậy khá cao.*

**Từ khóa:** Bất bình đẳng, tăng trưởng, OLS gộp, tác động cố định, tác động ngẫu nhiên

## *Impact of income inequality on economic growth in Vietnam*

### *Abstract:*

*This paper focuses on analyzing the impact of income inequality on economic growth in Vietnam based on study of Li và Zou(1998). The used models include the Pooled OLS model, the fixed effects model and the random effects models with VHLSS data collection from 2002 to 2012. Those models are used to compare the impact of each certain factor to economic growth. The results show that income inequality has a positive impact on economic growth in the country in the period 2002-2012 with high reliability.*

*Keywords: Income inequality; Economic growth; Pooled OLS ; Fixed effects; Random effects.*

## 1. Mở đầu

Bất bình đẳng trong phân phối thu nhập là mối quan tâm của nhiều người, nhiều quốc gia ở các mức độ khác nhau. Một số người cho rằng bất bình đẳng không mấy quan trọng, ví dụ như Feldstein (1999), ông đã từng nói rằng chẳng có gì sai khi phúc lợi của người giàu tăng lên hay hệ quả bất bình đẳng tăng lên do sự gia tăng ở nhóm thu nhập cao, thì các bằng chứng thực tế và các nghiên cứu tâm lý lại cho thấy điều ngược lại. Đa số mọi người đều

mong muốn một sự công bằng ở một mức độ nào đó, phụ thuộc vào các nền văn hóa và thay đổi theo thời gian.

Khi xã hội ngày càng phát triển, người ta càng quan tâm đến vấn đề công bằng nhiều hơn. Tăng trưởng kinh tế ngoạn mục nhưng vẫn đòi hỏi phải đi đôi với công bằng xã hội, đó là yêu cầu của một xã hội phát triển toàn diện và là mục tiêu mà nhiều quốc gia đang hướng đến. Hiện nay, bất bình đẳng đang là một trong những nguyên nhân gây nên sự

bất ổn trong xã hội ở nhiều quốc gia. Đã có không ít nghiên cứu phân tích tác động qua lại giữa bất bình đẳng thu nhập và tăng trưởng ở nhiều nước trên thế giới. Thực trạng mối liên hệ giữa bất bình đẳng trong phân phối thu nhập và tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam giai đoạn gần đây, cụ thể là giai đoạn 2002-2012 như thế nào? Liệu có phương trình nào thể hiện mối liên hệ này hay không? Những vấn đề này cần thiết được làm rõ để phục vụ kịp thời cho việc hoạch định chính sách phát triển cho giai đoạn sắp tới.

## 2. Tình hình nghiên cứu

Xây dựng một mô hình có tính đến ảnh hưởng của bất bình đẳng tới tăng trưởng kinh tế đã được đề cập đến trong một số nghiên cứu trước đây và cho các kết quả khác nhau. Cụ thể:

Lý thuyết chữ “U ngược” Kuznets (1955) là một lý thuyết nổi tiếng về mối quan hệ giữa mức độ bất bình đẳng và mức phát triển, được nhiều nhà nghiên cứu ủng hộ. Ông cho rằng mức độ bất bình đẳng có xu hướng gia tăng trong các giai đoạn đầu của phát triển, sau đó sẽ giảm bớt đi khi nền kinh tế đã đạt tới một trình độ phát triển cao hơn. Một nghiên cứu thực nghiệm quan trọng là của Ahluwalia (1976), ông đã sử dụng số liệu phân phối thu nhập của hơn 60 quốc gia phát triển và đang phát triển, tìm được cơ sở ủng hộ đường Kuznets. Nhiều nhà kinh tế đã đưa ra lập luận cho rằng, bất bình đẳng là không tốt cho tăng trưởng như Alesina và Rodrik (1994), Persson và Tabellini (1994), Perotti (1996). Bên cạnh đó, vẫn tồn tại những nghiên cứu cho rằng bất bình đẳng có tác động tích cực đến tăng trưởng như Forbes (2000), Li và Zou (1998) hoặc không có tác động của bất bình đẳng lên tăng trưởng như Barro (1999). Dựa trên việc cải tiến mô hình của Li và Zou (1998), Chen và Guo (2003) đã nghiên cứu mô hình lý thuyết về mối quan hệ giữa tăng trưởng và bất bình đẳng. Kết luận của nghiên cứu này là không tìm thấy mối quan hệ rõ ràng giữa bất bình đẳng và tăng trưởng. Tùy theo từng trường hợp, mối liên hệ này có thể là thuận chiều, ngược chiều hoặc không có tác động.

Liên quan đến các nghiên cứu trong nước, nhìn chung, các nghiên cứu này tập trung phân tích về mặt lý thuyết, nêu thực trạng, chưa có nhiều nghiên cứu sử dụng mô hình hồi quy để kiểm tra về mặt thực nghiệm được công bố. Một trong số những nghiên cứu sử dụng mô hình hồi quy là Hoàng Thủy Yên (2008). Dựa trên việc sử dụng hệ số giãn cách thu nhập và phương pháp bình phương nhỏ nhất hai giai đoạn, Hoàng Thủy Yên đã chỉ ra mối liên hệ thuận chiều giữa mức độ bất bình đẳng và tăng

trưởng kinh tế tại các tỉnh của Việt Nam giai đoạn 1999-2003. Hay nghiên cứu Bùi Đại Dũng (2012) lại đánh giá mối liên hệ giữa tăng trưởng và mức độ bất bình đẳng giai đoạn 1986-2010 ở Việt Nam bằng việc sử dụng mô hình hồi quy đa biến với biến phụ thuộc là tỉ lệ % thu nhập của các nhóm. So với nghiên cứu của hai tác giả trên, bài viết này khác ở chỗ sử dụng chuỗi số liệu cập nhật giai đoạn 2002-2012 với biến giải thích là hệ số Gini và sử dụng mô hình tác động cố định, mô hình tác động ngẫu nhiên. Vì vậy, bài viết này có thể được xem như một đóng góp về mặt thực nghiệm cho việc chỉ ra thực trạng ảnh hưởng của bất bình đẳng đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam giai đoạn 2002-2012.

## 3. Mô hình hồi quy

Trong nghiên cứu của Li và Zou (1998), xuất phát từ mô hình cơ bản:

$$G_{i,t} = f(GINI_{i,t-1}; GDP_{i,t-1}; EDUC_{i,t-1}) + u_{i,t}$$

với  $G_{i,t}$ : tốc độ tăng trưởng GDP thực tế của quan sát thứ  $i$  tại giai đoạn  $t$ ;  $GINI_{i,t-1}$ : chỉ số Gini của quan sát thứ  $i$  tại giai đoạn trước đó;  $GDP_{i,t-1}$ : GDP thực tế bình quân đầu người của quan sát thứ  $i$  tại giai đoạn trước đó;  $EDUC_{i,t-1}$ : tỷ lệ nhập học tiểu học hoặc số năm học tiểu học (tùy theo bộ số liệu sử dụng) của quan sát thứ  $i$  tại giai đoạn trước đó, họ nghiên cứu 3 mô hình biến thể:

$$G_{i,t} = f(GINI_{i,t-1}; GDP_{i,t-1}; EDUC_{i,t-1}; YDM5...YDM9) + u_{i,t} \quad (1)$$

$$G_{i,t} = f(GINI_{i,t-1}; GDP_{i,t-1}; EDUC_{i,t-1}; DEM) + u_{i,t} \quad (2)$$

$$G_{i,t} = f(GINI_{i,t-1}; GDP_{i,t-1}; EDUC_{i,t-1}; YDM5...YDM9; DEM) + u_{i,t} \quad (3)$$

với  $DEM$  là biến giả, thể hiện nước đó có dân chủ hay không;  $YDMi$  là biến giả, thể hiện một thời gian cụ thể. Ngoài ra, nghiên cứu này còn xem xét ảnh hưởng của các nhân tố khác đến tăng trưởng kinh tế thông qua mô hình:

$$G_{i,t} = f(GINI_{i,t-1}; GDP_{i,t-1}; EDUC_{i,t-1}; PGRW_{i,t-1}; URB_{i,t-1}; XGDP_{i,t-1}; INVSHR_{i,t-1}; BMP_{i,t-1}; FNDP_{i,t-1}) + u_{i,t} \quad (4)$$

với  $PGRW$ : tốc độ tăng dân số;  $URB$  tốc độ tăng dân số thành thị;  $XGDP$ : độ mở của nền kinh tế;  $INVSHR$ : tổng đầu tư trong nước/GDP;  $BMP$ : chênh lệch giữa tỷ giá chợ đen và tỷ giá niêm yết ngân hàng;  $FNDP$ : sự phát triển tài chính. Trong một nghiên cứu khác Li và Zou (2002), nhóm tác giả còn đề cập đến tỷ lệ chi tiêu chính phủ/GDP (GS) và giá tương đối giữa hàng xuất – nhập khẩu.

Dựa trên mô hình nghiên cứu đã được nêu ra và sự sẵn có về mặt số liệu, bài viết này đề xuất sử dụng mô hình cơ sở sau cho Việt Nam:

$$G_{i,t} = f(GINI_{i,t-1}; GDP_{i,t-2}) + u_{i,t}$$

rồi mở rộng ra mô hình:

$$G_{i,t} = f(GINI_{i,t-t_1}; GDP_{i,t-t_2}; X_{i,t-t_3}) + u_i$$

trong đó:  $t_1, t_2, t_3$  là các độ trễ bất kì được lựa chọn sao cho mô hình hồi quy càng phù hợp càng tốt;  $GINI_{i,t-t_1}$  là mức độ bất bình đẳng về thu nhập ở năm trước đó;  $GDP_{i,t-t_2}$  là tốc độ tăng trưởng GDP theo giá so sánh 1994 ở  $t_2$  năm trước đó;  $X_{i,t-t_3}$  là các biến khác có ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng ở  $t_3$  năm trước đó, có thể là một số hoặc tất cả các biến gồm: PGRW, URB, XGDP, GS. Do hạn chế về mặt số liệu, các độ trễ được lựa chọn không vượt quá 5 năm.

#### 4. Dữ liệu và nguồn dữ liệu

Hệ số Gini của các tỉnh được tính dựa trên số liệu thu được từ điều tra mức sống dân cư của các tỉnh được công bố bởi Tổng cục thống kê, gồm 5 năm: 2002, 2004, 2006, 2008, 2010. Với số liệu 5 nhóm thu nhập, đặt  $a_i, i=1...5$  là thu nhập bình quân của nhóm thứ  $i, a_1 < a_2 < ... < a_5$ , ta xác định một cách tương đương:

$$\text{Hệ số Gini} = 80 - 40(4a_1 + 3a_2 + 2a_3 + a_4) / \sum_{i=1}^5 a_i$$

Các dữ liệu  $G, PGRW, URB, XGDP, GDP, GS$  được tính dựa trên các chỉ tiêu sẵn có số liệu trong niên giám thống kê Việt Nam và niên giám thống kê của các tỉnh qua các năm. Cụ thể cho mỗi tỉnh gồm có: tổng sản phẩm trên địa bàn theo giá so sánh năm 1994, tổng sản phẩm trên địa bàn theo giá thực tế, dân số trung bình năm, dân số thành thị trung bình năm, chi tiêu ngân sách địa phương và trị giá hàng hóa xuất khẩu của địa phương. Ngoài ra, để xác định độ mở nền kinh tế, bài phân tích còn sử dụng số liệu tỷ giá hối đoái VNĐ/USD, được lấy nguồn từ Worldbank. Các công thức xác định như sau:

$$G_i = \frac{\text{tổng sản phẩm trên địa bàn theo giá so sánh năm 1994 ở năm thứ } i}{\text{tổng sản phẩm trên địa bàn theo giá so sánh năm 1994 ở năm thứ } i - 1} * 100\%$$

$$PGRW_i = \frac{\text{dân số trên địa bàn trung bình năm } i}{\text{dân số trên địa bàn trung bình năm } i - 1} * 100\%$$

$$URB_i = \frac{\text{dân số thành thị trên địa bàn trung bình năm } i}{\text{dân số thành thị trên địa bàn trung bình năm } i - 1} * 100\%$$

$$XGDP = \frac{\text{trị giá hàng hóa xuất khẩu của địa phương} * \text{tỷ giá hối đoái}}{\text{tổng sản phẩm trên địa bàn theo giá thực tế}} * 100\%$$

$$GS = \frac{\text{tổng chi tiêu ngân sách địa phương}}{\text{tổng sản phẩm trên địa bàn theo giá thực tế}} * 100\%$$

$$GDP = \frac{\text{tổng sản phẩm trên địa bàn theo giá so sánh năm 1994}}{\text{dân số trên địa bàn trung bình năm}}$$

Các dữ liệu  $G, PGRW, URB, XGDP, GDP, GS$  đều có đơn vị % trừ GDP có đơn vị triệu đồng/người. Các số liệu được lấy trong niên giám thống kê mỗi tỉnh, tỉnh nào lấy tỉnh đó, trừ dân số trên địa bàn trung bình năm và dân số thành thị trung bình năm được lấy nguồn từ niên giám thống kê Việt Nam. Khác với hệ số Gini được lấy số liệu 2 năm một lần, các tỉnh được lấy số liệu hàng năm trong giai đoạn 1997 – 2012 (để đảm bảo lấy được 5 độ trễ) trừ số liệu G lấy trong giai đoạn 2002 – 2012.

#### 5. Phương pháp tiến hành

Các bước phân tích được thực hiện như sau:

Bước 1: Ước lượng mô hình cơ sở. Vì có nhiều lựa chọn khác nhau về độ trễ (bài viết này giới hạn độ trễ trong 5 năm) nên để đảm bảo không bỏ sót trường hợp, chúng ta tiến hành hồi quy trên tất cả những khả năng có thể có rồi lựa chọn độ trễ mà trong đó tối thiểu một trong ba mô hình OLS gộp, mô hình tác động cố định, mô hình tác động ngẫu nhiên có hệ số góc ứng với biến GINI là có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 10%. Do hạn chế về mặt số liệu, bài phân tích mới chỉ kiểm tra được ảnh hưởng của bất bình đẳng cho đến năm thứ 4. Một điểm cần nhấn mạnh: nếu ở một độ trễ  $t$  nào đó, biến GINI không có ý nghĩa thống kê thì điều đó không có nghĩa rằng mức độ bất bình đẳng không ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế sau  $t$  năm. Việc giới hạn các độ trễ có ý nghĩa thống kê trong mô hình cơ sở đảm bảo cả 2 mục đích của bài phân tích:

- Thứ nhất, chỉ ra mức độ bất bình đẳng có ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế hay không: với mục đích này, chỉ cần mức độ bất bình đẳng ở một độ trễ nào đó có ý nghĩa thống kê, ta có cơ sở để nói rằng

tác động là tồn tại.

- Thứ hai, tìm ra mô hình hồi quy phù hợp nhất cho hàm tăng trưởng kinh tế có tính đến ảnh hưởng của mức độ bất bình đẳng: việc giới hạn độ trễ ngầm định rằng, trong mô hình cơ sở, một độ trễ nào đó có ý nghĩa trong khi độ trễ khác không có ý nghĩa cho thấy mức độ ảnh hưởng (nếu có) của độ trễ này là lớn hơn độ trễ kia, do đó sẽ cho mô hình hồi quy tốt hơn và vì vậy, việc quan tâm đến các độ trễ không có ý nghĩa là không cần thiết.

Bước 2: Ứng với các mô hình cơ sở được lựa chọn, lần lượt đưa thêm các biến mới vào và chỉ giữ lại các mô hình mở rộng mà tất cả các hệ số trong mô hình là có ý nghĩa với mức ý nghĩa 10%. Việc đưa thêm các biến mới này một phần nhằm kiểm tra độ vững của các ước lượng mô hình cơ sở, phần khác nhằm tìm ra mô hình dự báo phù hợp nhất cho tăng trưởng kinh tế.

Bước 3: Với mỗi mô hình mở rộng được chấp nhận, kiểm tra xem chúng đã được định dạng đúng hay chưa dựa trên kiểm định giả thuyết đồng thời và kiểm định Hausman, đồng thời chỉ giữ lại những mô hình đã được định dạng đúng.

Bước 4: Trong các mô hình được định dạng đúng, lấy ra mô hình hồi quy tốt nhất dựa trên các giá trị  $R^2$ ,  $\bar{R}^2$ , SER và các tiêu chuẩn AIC, SC, HQ.

## 6. Kết quả

### 6.1. Ước lượng mô hình cơ sở

Bằng việc tiến hành hồi quy trên 25 mô hình cơ sở ở cả 3 dạng OLS gộp, tác động cố định và tác động ngẫu nhiên (tổng cộng 75 mô hình), chúng ta lựa chọn ra được 5 mô hình với kết quả hồi quy được cho trong bảng 1. Trong các mô hình này, độ trễ của biến GDP từ 2 đến 5 và độ trễ của biến GINI là 3 và 4.

Một kết quả khá rõ ràng là trong các mô hình cơ

**Bảng 1: Các mô hình cơ sở được lựa chọn**

	Pooled		FE		RE	
C	109.754	***	***	***	109.923	***
GDP(-2)	-0.477	***	-0.908	***	-0.525	***
GINI(-3)	0.149	*	0.306	*	0.155	
N Ob	139		139		139	
Province	43		43		43	
	0.396		0.755		0.316	
	0.388		0.641		0.306	

	Pooled		FE		RE	
C	109.439	***	***	***	109.328	***
GDP(-3)	-0.478	***	-0.864	***	-0.514	***
GINI(-3)	0.15		0.306	*	0.161	
N Ob	136		136		136	
Province	43		43		43	
	0.413		0.744		0.329	
	0.404		0.62		0.318	

	Pooled		FE		RE	
C	108.331	***	***	***	108.685	***
GDP(-4)	-0.517	***	-0.836	***	-0.539	***
GINI(-3)	0.181	**	0.254		0.177	*
N Ob	132		132		132	
Province	43		43		43	
	0.428		0.728		0.344	
	0.42		0.591		0.334	

	Pooled		FE		RE	
C	108.574	***	***	***	108.998	***
GDP(-5)	-0.53	***	-0.465	**	-0.527	***
GINI(-3)	0.167	*	0.128		0.155	
N Ob	129		129		129	
Province	41		41		41	
	0.425		0.7		0.337	
	0.416		0.554		0.327	

	Pooled		FE		RE	
C	116.254	***	***	***	113.716	***
GDP(-3)	-0.241	***	-0.592	***	-0.263	***
GINI(-4)	-0.07		0.287	*	0.009	
N Ob	111		111		111	
Province	43		43		43	
	0.207		0.732		0.137	
	0.192		0.553		0.121	

Ghi chú: \*\*\*, \*\*, \*: có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 1%, 5%, 10%

sở kể trên, tất cả các biến trễ GDP đều mang giá trị âm và có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 1%. Kết quả tương tự ở độ trễ bằng 1, tuy nhiên vì chúng ta chỉ lấy những mô hình cơ sở trong đó hệ số của biến GINI là có ý nghĩa ở ít nhất một trong ba dạng mô hình, nên biến GDP(-1) không được đề cập đến trong bảng. Kết quả thu được cho thấy, GDP bình quân đầu người trong vòng 5 năm vẫn có tác động đến tăng trưởng kinh tế và tác động này là ngược chiều, nghĩa là khi GDP bình quân càng cao, nền kinh tế đã đạt đến một mức phát triển nào đó thì tốc độ tăng trưởng GDP cũng ngày càng chậm lại. Điều này nghe có vẻ vô lý nhưng lại hết sức dễ hiểu nếu chúng ta so sánh giữa một nước phát triển và đang phát triển. Tất nhiên, GDP bình quân của nước phát triển cao hơn nhiều so với nước đang phát triển, tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng đa phần là thấp hơn.

Hệ số của biến GINI trong các mô hình cơ sở nếu có ý nghĩa thì đều dương. Số lượng mô hình cơ sở ứng với biến GINI(-3) nhiều hơn hẳn so với số lượng mô hình cơ sở ứng với biến GINI(-4). Trên thực tế, khi chạy các mô hình mở rộng, chúng ta có thể nhận thấy, có khá nhiều mô hình mà trong đó hệ số của biến GINI là có ý nghĩa về mặt thống kê, và số lượng các mô hình hồi quy trong đó hệ số của biến GINI(-3) có ý nghĩa thống kê nhiều hơn đáng kể so với số các mô hình hồi quy trong đó hệ số của biến GINI(-4) có ý nghĩa thống kê. Nói cách khác mức độ bất bình đẳng ở năm thứ 3 và thứ 4 thực sự ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế và dường như tác động của bất bình đẳng đến tăng trưởng kinh tế ở năm thứ 3 nhiều hơn so với năm thứ 4, tác động ở đây là thuận chiều. Kết quả thu được không có nghĩa những năm khác không có tác động mà chỉ đơn giản là chưa có cơ sở để kết luận. Một số nghiên cứu trước đây đã chỉ ra, mức độ bất bình đẳng tính chung cho toàn bộ dân cư thậm chí còn ảnh hưởng cho đến 25-30 năm sau (xem Alesina và Rodrik (1994), Perotti (1996), Li và Zou (1998)). Kết quả thu được này làm ta liên tưởng đến một giả thuyết cách đây một thế kỷ, cho rằng, bất bình đẳng là điều kiện cần cho đầu tư và tăng trưởng, như Keynes (1920) đã từng nói, rằng chính sự bất bình đẳng

trong phân phối làm cho khối tài sản cố định khổng lồ và những cải thiện tài chính có thể phân biệt “Thời đại vàng” với những thời đại khác. Giả thuyết chữ U ngược Kuznets cho rằng bất bình đẳng trong giai đoạn đầu của phát triển thường có xu hướng gia tăng và khi nền kinh tế đã đạt đến một mức phát triển cao hơn, mức độ bất bình đẳng có xu hướng giảm đi, như vậy, khi mức độ phát triển chưa đủ cao, mối quan hệ giữa bất bình đẳng và tăng trưởng có thể coi là xấp xỉ tuyến tính, thuận chiều. Ta tìm thấy ở đây sự phù hợp với giai đoạn đầu của giả thuyết chữ U ngược Kuznets, gắn theo giả thuyết này, Việt Nam đang ở giai đoạn đầu của phát triển và trong giai đoạn này, đôi khi phải đánh đổi bất bình đẳng để có tăng trưởng cao. Mối liên hệ thuận chiều này đúng ở mức phát triển của Việt Nam giai đoạn 2002-2012 nhưng chưa chắc đúng ở các giai đoạn sau này, khi mà mức độ phát triển có xu hướng ngày càng nâng cao. Chúng ta cần có những nghiên cứu liên tục với những số liệu cập nhật để phát hiện kịp thời khi nào, mối liên hệ này sẽ đảo chiều để có những điều chỉnh chính sách phù hợp.

### 6.2. Các mô hình mở rộng

Chúng ta có tổng cộng 32 mô hình mở rộng trong đó tất cả các hệ số của mô hình đều có ý nghĩa thống kê với 16 mô hình ở dạng OLS gộp, 8 mô hình ở dạng tác động cố định và 8 mô hình ở dạng tác động ngẫu nhiên.

Với các mô hình cơ sở đã được mở rộng, chúng ta thu được kết quả về dấu của các hệ số được cho trong bảng 2. Một điểm khá thống nhất giữa các mô hình mở rộng được chấp nhận là tất cả các hệ số của biến GDP đều mang dấu âm, tất cả hệ số của các biến GINI đều mang dấu dương, điều này củng cố thêm kết luận về ảnh hưởng ngược chiều của GDP bình quân đầu người và tác động thuận chiều của mức độ bất bình đẳng đến tăng trưởng kinh tế. Hệ số của các biến XGDP, GRWP trong các mô hình OLS gộp và mô hình tác động ngẫu nhiên đều dương trong khi ở dạng mô hình tác động cố định, hệ số của biến GRWP không xuất hiện và hệ số của biến XGDP là âm. Việc thay đổi như đã trình bày, nhiều khả năng do khuyết tật đa cộng tuyến gây ra

**Bảng 2: Dấu hệ số của các biến trong các mô hình mở rộng được lựa chọn**

	GDP	GINI	GRWP	XGDP	URB	GS
OLS gộp	-	+	+	+	NA	+
Tác động cố định	-	+	NA	-	-	NA
Tác động ngẫu nhiên	-	+	+	+	NA	NA

Ghi chú: NA: không có trong mô hình

do phải đưa thêm vào rất nhiều biến giả để biểu thị cho các tỉnh làm cho hệ số hoặc mất ý nghĩa, hoặc thay đổi dấu và độ lớn. Nhìn chung, chúng ta có cơ sở để nói rằng, các biến GRWP, XGDP cùng có tác động thuận chiều đến tăng trưởng kinh tế hay nói cách khác, tốc độ tăng dân số, độ mở nền kinh tế có tác động thuận chiều đến tăng trưởng trong ngắn hạn. Kết quả thu được với độ mở nền kinh tế là phù hợp với lý thuyết kinh tế trong khi kết quả thu được với tốc độ tăng dân số là không phù hợp. Hệ số của biến URB chỉ âm một cách có ý nghĩa ở dạng mô hình tác động cố định trong khi với dạng mô hình OLS gộp và dạng mô hình tác động cố định, hệ số của biến này không xuất hiện. Hệ số của biến GS chỉ dương một cách có ý nghĩa ở dạng mô hình OLS gộp và không xuất hiện trong các mô hình mở rộng

được lựa chọn dưới dạng tác động cố định và tác động ngẫu nhiên. Cần có những nghiên cứu thêm về URB, GS và GRWP để kết luận được chính xác.

### 6.3. Mô hình dự báo tăng trưởng có tính đến ảnh hưởng của nhân tố bất bình đẳng

Chúng ta có tổng cộng 4 mô hình OLS gộp, 7 mô hình tác động cố định và 3 mô hình tác động ngẫu nhiên đã được định dạng đúng. Dựa trên các giá trị  $R^2$ ,  $\overline{R^2}$ , mô hình hồi quy tốt nhất là mô hình 1, dựa trên giá trị SER, mô hình hồi quy tốt nhất là mô hình 2, dựa trên các tiêu chuẩn AIC, SC, HQ, mô hình hồi quy tốt nhất là mô hình 3. Vì các mô hình này được xây dựng trên các mẫu khác nhau, bài viết ưu tiên sử dụng giá trị SER hơn, theo đó, mô hình được lựa chọn là mô hình 2.

**Bảng 3: Các mô hình mở rộng đã định dạng đúng được xem xét**

MH1 FE			MH2 FE			MH3 RE			MH4 PO		
C	106.281	***	C	118.253	***	C	107.845	***	C	53.635	***
GDP(-2)	-0.986	***	GDP(-2)	-0.863	***	GDP(-4)	-0.587	***	GDP(-5)	-0.557	***
GINI(-3)	0.392	*	GINI(-3)	0.549	**	GINI(-3)	0.193	*	GINI(-3)	0.22	**
XGDP(-2)	-0.029	*	XGDP(-4)	-0.031	**	XGDP(-1)	0.012	**	GRWP(-5)	0.527	***
N Ob	124		URB(-1)	-0.175	*	N Ob	120		NOB	100	
Province	43		N Ob	99		Province	43		Province	41	
R2	0.758		Province	42		R2	0.397		R2	0.555	
R2-	0.618		R2	0.753		R2-	0.382		R2-	0.541	
SER	2.221		R2-	0.544		SER	2.472		SER	2.356	
AIC	4.713		SER	1.994		AIC	4.681		AIC	4.591	
SC	5.759		AIC	4.523		SC	4.774		SC	4.695	
HQ	5.138		SC	5.729		HQ	4.719		HQ	4.633	
			HQ	5.011							
Prob(RE vs FE)		0.0088	Prob(RE vs FE)		0.0028	Prob(RE vs FE)		0.4507	Prob(PO vs FE)		0.3319
Prob(PO vs FE)		0.0000	Prob(PO vs FE)		0.0014	Rho (PO vs RE)		0.2445	Rho (PO vs RE)		0.0637

  

MH11 PO		
C	92.915	***
GDP(-5)	-0.442	***
GINI(-3)	0.201	*
XGDP(-4)	0.013	**
URB(-3)	0.122	*
GS(-1)	0.035	*
N Ob	87	
Province	40	
R2	0.402	
R2-	0.365	
SER	2.409	
AIC	4.663	
SC	4.833	
HQ	4.731	
Prob(PO vs FE)		0.1273
Rho (PO vs RE)		0.0669

Ghi chú: \*\*\*, \*\*, \*: có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 1%, 5%, 10%

Prob (RE vs FE): xác suất nhỏ nhất mà mô hình tác động ngẫu nhiên bị bác bỏ, nếu Prob (RE vs FE) <10%, mô hình thích hợp là dạng tác động cố định.

Prob (PO vs FE): xác suất nhỏ nhất mà mô hình OLS gộp bị bác bỏ, nếu Prob (PO vs FE) <10%, mô hình thích hợp là dạng tác động cố định.

Rho (PO vs RE): % phương sai tổng thể gây bởi phương sai các tỉnh, nếu Rho (PO vs RE) <10%, mô hình thích hợp là dạng OLS gộp.

$$\hat{G}_{it} = FE_i - 0.863 GDP_{i(t-2)} + 0.549 GINI_{i(t-3)} - 0.031 XGDP_{i(t-4)} - 0.175 URB_{i(t-1)}$$

(se)	0.204	23.327	0.015	0.101
(t)	-4.229	2.354	-2.042	-1.734

$$R^2 = 0.753, \overline{R^2} = 0.544, SER = 1.994, d = 1.209, N = 99$$

trong đó,  $FE_i$  là thành phần tác động cố định,  $i = 1..42$

Mô hình này được đề xuất dùng cho dự báo tăng trưởng có tính đến ảnh hưởng của nhân tố bất bình đẳng, tuy nhiên để đánh giá tác động của các nhân tố, việc sử dụng mô hình này lại không phù hợp vì mô hình này có khuyết tật đa cộng tuyến, thể hiện ở dấu của biến XGDP bị sai. Thực vậy, hồi quy XGDP theo các biến giả, có hệ số chặn thu được mô hình có độ giải thích rất cao, 83.64%, điều này chứng thực cho nhận định vừa nêu ra, có hiện tượng đa cộng tuyến nghiêm trọng trong mô hình được lựa chọn. Không những thế, khi lần lượt hồi quy các biến khác theo các biến giả, chúng ta cũng thu được kết quả tương tự đối với các biến GDP và GINI, trừ biến URB, hàm hồi quy là không có ý nghĩa. Tiếp tục hồi quy URB theo các biến GDP, GINI và các biến giả, lúc này mô hình trở nên có ý nghĩa thống kê, tuy nhiên, độ giải thích của mô hình cũng không cao (50%), do đó, ảnh hưởng của đa cộng tuyến (nếu có) đến biến URB là không nhiều, cùng lắm chỉ thay đổi độ lớn của ước lượng và do đó, trong mô hình trên, chỉ có dấu hệ số của biến URB là đáng tin cậy, theo đó, tốc độ phát triển dân số thành thị có tác động ngược chiều đến tăng trưởng. Chiều hướng tác động này được đánh giá là phù hợp. Việc tăng dân số thành thị quá nhanh của các tỉnh có một số nguyên nhân như việc di cư lao động từ khu vực nông thôn lên thành thị, theo đó là một loạt công việc như giúp việc nhà, trông cửa hàng, tạp vụ, phu hồ,... chính những công việc như vậy làm kim hãm tăng trưởng. Hay một nguyên nhân khác có thể được kể đến là việc chuyển đổi một khu vực từ nông thôn lên thành thị trong khi khu vực này chưa thực sự đáp ứng đủ các điều kiện để trở thành thành thị. Chính vì vậy, dù tốc độ tăng dân số thành thị cao nhưng lại làm giảm chất lượng lao động, từ đó kim hãm tăng trưởng.

Để xem xét ảnh hưởng của các nhân tố còn lại, chúng ta có thể sử dụng các mô hình cơ sở và các mô hình mở rộng dưới dạng OLS gộp và mô hình tác động ngẫu nhiên mà không sử dụng các mô hình tác động cố định nhằm tránh hiện tượng đa cộng tuyến. Ngoài ra, nếu có nhiều lựa chọn khác nhau về giá trị của các ước lượng, chúng ta sẽ sử dụng giá trị

lớn nhất trong các giá trị có độ tin cậy cao nhất để đánh giá. Theo đó:

- Nếu hệ số Gini ở thời điểm (t-3) tăng thêm 1 điểm % sẽ làm cho tốc độ tăng trưởng ở thời điểm t tăng trung bình 0.22 điểm % (mô hình 3) với điều kiện các yếu tố khác không đổi.

- Nếu độ mở của nền kinh tế tăng thêm 1 điểm % sẽ làm cho tốc độ tăng trưởng ở thời điểm t tăng trung bình 0.013 điểm % (mô hình 4) với điều kiện các yếu tố khác không đổi.

## 7. Kết luận

Bài viết đã cho chúng ta cái nhìn thực nghiệm về mối quan hệ giữa bất bình đẳng và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam giai đoạn 2002-2012. Giống như kết quả mà Li và Zou (1998) đã thu được, bất bình đẳng thực sự có ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế và trong giai đoạn 2002-2012 tác động ở đây là thuận chiều, theo đó trong ngắn hạn, phải đánh đổi bất bình đẳng để có tăng trưởng cao.

Bên cạnh đó, bài viết cũng xây dựng mô hình hồi quy tốt nhất cho tăng trưởng dựa trên các yếu tố kinh tế xã hội các năm trước có tính đến yếu tố bất bình đẳng. Các mô hình được chạy đã chỉ ra về mặt thực nghiệm, tốc độ tăng dân số, tốc độ tăng dân số thành thị, độ mở của nền kinh tế thực sự có ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế, tuy nhiên chỉ hệ số của độ mở nền kinh tế là có dấu dương phù hợp với lý thuyết kinh tế, các nhân tố còn lại cần có những nghiên cứu kỹ hơn về mặt thực nghiệm để có kết luận cho chính xác.

Dù kết quả thu được là bất bình đẳng có tác động thuận chiều đến tăng trưởng kinh tế nhưng xét về dài hạn, vấn đề bất bình đẳng cần phải được giải quyết. Chúng ta nên không ngừng đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả của các chính sách xóa đói giảm nghèo, cho cái cần câu cơm chứ không phải là bát cơm, tránh tình trạng tái nghèo. Bên cạnh đó, cần đảm bảo phổ cập giáo dục tiểu học, tạo điều kiện học tập sao cho các em có điều kiện phát triển như nhau, tiền đề để có được bình đẳng về cơ hội, bất kể các em sinh ra ở đâu, có hoàn cảnh thế nào. Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, cần đảm bảo môi

trường cạnh tranh công bằng, lành mạnh, minh bạch giữa các cá nhân, tổ chức, không để xảy ra hiện tượng “cửa sau”, ưu tiên người thân,... Muốn vậy, cần có sự chặt chẽ về mặt quản lý, phát luật, các chính sách, đặc biệt là các chính sách mới cần được cụ thể, rõ ràng, có hướng dẫn chi tiết và sớm công khai, tối thiểu là công khai trên internet để các cá nhân, tổ chức sớm nắm bắt và thực hiện các quy

định phù hợp với các điều kiện riêng. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, tăng cường đầu tư cho giáo dục, y tế, có các chính sách trọng dụng và thu hút nhân tài, một mặt nhằm nâng cao mức sống và nhận thức của người dân về hậu quả của bất bình đẳng, mặt khác nhằm tạo nguồn lực có chất lượng cho tăng trưởng kinh tế bền vững. □

### Tài liệu tham khảo

- Ahluwalia, M.S. (1976), ‘Inequality, poverty and development’, *Journal of Development Economics*, số 3, tập 4, trang 307-342.
- Alesina, A. và Rodrik, D. (1994), ‘Distributive Politics and Economic Growth’, *Quarterly Journal of Economics*, số 109, tập 2, trang 465-490.
- Barro, R.J. (1999), *Inequality, Growth and Investment*, truy cập ngày 30 tháng 6 năm 2014, từ <<http://www.nber.org/papers/w7038>>.
- Bùi Đại Dũng (2012), ‘Tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội ở Việt Nam thời kỳ 1986-2010’, đề tài nghiên cứu cấp trường, Đại học Kinh tế - Đại học quốc gia Hà Nội.
- Chen, B.L. và Guo, J.T. (2003), *Is income inequality really not harmful for economic growth?*, truy cập ngày 30 tháng 6 năm 2014, từ <<http://economics.ucr.edu/papers/papers01/01-38.pdf>>.
- Feldstein, M. (1999), *Reducing Poverty, Not Inequality*, truy cập ngày 30 tháng 6 năm 2014, từ <<http://www.nber.org/feldstein/pi99.html>>.
- Forbes K.J. (2000), ‘A Reassessment of the Relationship Between Inequality and Growth’, *American Economic Review*, số 90, tập 4, trang 869-887.
- Hoàng Thùy Yên (2008), *Tác động của bất bình đẳng đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam*, truy cập ngày 3 tháng 9 năm 2014, từ <<http://luatminhkhue.vn/bai-viet/tac-dong-cua-bat-binh-dang-den-tang-truong-kinh-te-viet-nam.aspx>>.
- Keynes, J.M. (1920), *The economic consequences of the peace*, Harcourt, Brace and Howe, Inc., New York.
- Kuznets, S. (1995), ‘Economic Growth and Income Inequality’, *American Economic Review*, số 45, tập 1, trang 1-28.
- Li, H. và Zou, H. (1998), ‘Income Inequality is not Harmful for Growth: Theory and Evidence’, *Review of Development Economics*, số 2, tập 3, trang 318-334.
- Li, H. và Zou, H. (2002), ‘Inflation, growth, and income distribution: a cross-country study’, *Annals of economic and finance*, số 3, tập 1, trang 85-101.
- Perotti, R. (1996), ‘Growth, Income Distribution, and Democracy: What the Data say?’, *Journal of Economic Growth*, số 1, tập 2, trang 149-187.
- Persson, T. và Tabellini, G. (1994), ‘Is Inequality Harmful for Growth?’, *American Economic Review*, số 84, tập 3, trang 600-621.

---

### Thông tin tác giả:

\***Nguyễn Thanh Hằng**, Thạc sĩ

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Kinh tế phát triển, trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ Email: [hangnguyen159@yahoo.com](mailto:hangnguyen159@yahoo.com)